

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Viện Đại học Mở Hà Nội
- Tên tiếng Anh: Ha Noi Open University
- Mã trường (dùng trong tuyển sinh): **MHN**
- Sứ mệnh của trường: Mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, phục vụ nhu cầu học tập đa dạng với nhiều loại hình đào tạo, đa ngành, đa cấp độ, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế.
- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà B101, Phố Nguyễn Hiền, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.hou.edu.vn
- Địa chỉ cổng thông tin tuyển sinh: <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học, cao đẳng)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I	-	-	-	-
Nhóm ngành II	712 ĐH	0	-	-
Nhóm ngành III	690 CH; 3.591 ĐH	18.354 ĐH	-	-
Nhóm ngành IV	35 CH; 473 ĐH	0	-	-
Nhóm ngành V	127 CH; 2.177 ĐH	1.256 ĐH	-	-
Nhóm ngành VI	-	-	-	-
Nhóm ngành VII	04 NCS; 114 CH; 1.815 ĐH	469 ĐH	-	-
Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)	04 NCS; 966 CH; 8.768 ĐH	20.079 ĐH	-	-

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Viện Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước dựa vào kết quả thi các môn văn hóa từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia; đối với các ngành năng khiếu (*Kiến trúc, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa*) nhà trường tổ chức thi các môn năng khiếu vẽ (*Hình họa, Bố cục màu và Vẽ mỹ thuật*) sau khi thí sinh dự thi THPT quốc gia, đồng thời cũng nhận kết quả thi của thí sinh dự thi năng khiếu vẽ tại các trường đại học khác trên cả nước.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Ngành/Chuyên ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2015			Năm 2016		
	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển
Nhóm ngành I	-	-	-	-	-	-
Nhóm ngành II						
- Chuyên ngành Thiết kế nội thất:	90	36		80	53	
<i>Văn, Hình họa, Bố cục màu (Hình họa và Bố cục màu hệ số 2)</i>		32	24,0		44	24,5
<i>Văn, Tiếng Anh, Hình họa (Hình họa hệ số 2)</i>		0	19,0		0	20,0
<i>Văn, Toán, Hình họa (Hình họa hệ số 2)</i>		4	19,0		9	19,0
- Chuyên ngành Thiết kế thời trang:	50	40		50	39	
<i>Văn, Hình họa, Bố cục màu (Hình họa và Bố cục màu hệ số 2)</i>		34	24,0		31	25,5
<i>Văn, Tiếng Anh, Hình họa (Hình họa hệ số 2)</i>		2	19,0		4	19,0
<i>Văn, Toán, Hình họa (Hình họa hệ số 2)</i>		4	19,0		4	19,0
- Chuyên ngành Thiết kế đồ họa:	70	39		50	51	
<i>Văn, Hình họa, Bố cục màu (Hình họa và Bố cục màu hệ số 2)</i>		36	24,0		47	24,0
<i>Văn, Tiếng Anh, Hình họa (Hình họa hệ số 2)</i>		1	19,0		0	19,0
<i>Văn, Toán, Hình họa (Hình họa hệ số 2)</i>		0	19,0		4	23,0
Nhóm ngành III						
- Ngành Kế toán	160	216		180	169	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		93	18,5		103	19,5
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		107	18,5		40	19,5
<i>Toán, Lý, Tiếng Anh</i>		16	18,5		26	19,0
- Ngành Quản trị kinh doanh	150	151		170	158	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		67	18,25		90	19,0
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		60	18,75		53	19,0
<i>Toán, Lý, Tiếng Anh</i>		24	18,25		15	19,0
- Chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn	180	209		180	153	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		20	21,0		62	21,0
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		173	19,25		82	20,5
<i>Toán, Lý, Tiếng Anh</i>		16	21,0		9	21,0
- Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch	80	117		60	61	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		21	19,0		29	19,5
Ngành/Chuyên ngành/Tổ hợp xét	Năm 2015			Năm 2016		

tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		80	18,0		25	19,5
<i>Toán, Lý, Tiếng Anh</i>		16	19,0		7	19,5
- Ngành Tài chính – Ngân hàng	200	185		200	184	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		30	18,5		57	18,0
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		155	17,0		127	17,0
- Ngành Luật	-	-	-	100	102	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>	-	-	-		38	16,0
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>	-	-	-		64	16,0
- Ngành Luật kinh tế	140	159		130	154	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		119	19,25		105	19,5
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		40	19,25		49	19,5
- Ngành Luật quốc tế	60	132		70	49	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		29	18,0		18	17,25
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		103	15,5		31	17,25
Nhóm ngành IV						
- Ngành Công nghệ sinh học	260	115		220	86	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		-	-		20	15,0
<i>Sinh, Toán, Hóa</i>		115	15,0		66	15,0
<i>Toán, Hóa, Tiếng Anh</i>		-	-		0	15,0
Nhóm ngành V						-
- Ngành Công nghệ thông tin	270	313		350	389	
<i>Toán, Lý, Hóa</i>		180	17,75		266	18,0
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh</i>		68	18,0		61	18,25
<i>Toán, Lý, Tiếng Anh</i>		65	18,0		62	18,25
- Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	230	205		220	171	
<i>Toán, Lý, Hóa (Lý hệ số 2)</i>		101	21,75		76	20,0
<i>Toán, Lý, Tiếng Anh (Lý hệ số 2)</i>		56	21,75		37	20,0
<i>Toán, Văn, Lý (Lý hệ số 2)</i>		48	23,0		58	20,0
- Ngành Kiến trúc	160	135		140	64	
<i>Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật (Vẽ MT hệ số 2)</i>		126	19,0		57	19,0
<i>Toán, Văn, Hình họa</i>		9	19,0		7	19,0
Nhóm ngành VI	-	-	-	-	-	-
Ngành/Chuyên ngành/Tổ hợp xét		Năm 2015		Năm 2016		

tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển
Nhóm ngành VII						
- Ngành Ngôn ngữ Anh	300	428		300	265	
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh hệ số 2)</i>		428	25,25		265	25,5
- Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	200	249		200	209	
<i>Văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh hệ số 2)</i>		224	24,5		204	22,5
<i>Văn, Toán, Tiếng Trung Quốc (Tiếng Trung Quốc hệ số 2)</i>		25	22,0		5	20,0
Tổng	2.600	2.729		2.700	2.357	

2. Các thông tin tuyển sinh năm 2017

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Viện Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Viện Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

2.3.1. Đối với các ngành chỉ xét tuyển các môn văn hóa:

Viện Đại học Mở Hà Nội xét tuyển các môn văn hóa từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia năm 2017.

2.3.2. Đối với các ngành có môn năng khiếu vẽ:

Các ngành có môn năng khiếu vẽ gồm: Kiến trúc, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa.

a/ Các môn năng khiếu vẽ tính hệ số 2 (gồm Vẽ Hình họa, Bố cục màu, Vẽ mỹ thuật):

Để đủ điều kiện tham gia xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu vẽ, thí sinh cần có điểm môn năng khiếu vẽ trong năm 2017 theo 1 trong 2 cách sau:

+ *Cách 1:* Tham dự kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ do Viện Đại học Mở Hà Nội tổ chức sau kỳ thi THPT quốc gia. Thủ tục đăng ký dự thi năng khiếu thí sinh cần xem kỹ tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường (tuyensinh.hou.edu.vn). Viện Đại học Mở Hà Nội sẽ chủ động sử dụng kết quả thi năng khiếu vẽ của thí sinh, kết hợp với kết quả các môn văn hóa để xét tuyển.

+ *Cách 2:* Dự thi môn năng khiếu vẽ tại các trường Đại học khác trên cả nước, sau đó nộp Giấy chứng nhận điểm về Viện Đại học Mở Hà Nội.

Lưu ý: Mã tổ hợp xét tuyển H01 và V01 của Bộ GDĐT quy định tên môn thi năng khiếu vẽ là “Vẽ mỹ thuật”, Viện Đại học Mở Hà Nội quy định tên môn thi là Hình họa, nội dung thi vẽ tĩnh vật bằng chì đen.

b/ Các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển:

Tùy theo năng lực và điều kiện của bản thân, thí sinh có thể lựa chọn 1 trong 2 hình thức sau:

+ Sử dụng kết quả từ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia năm 2017

+ Sử dụng kết quả học tập bậc THPT: Thí sinh có thể tham gia xét tuyển các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển bằng cách nộp học bạ THPT, với yêu cầu là điểm trung bình của từng môn học trong tổ hợp các môn dùng để xét tuyển hoặc điểm trung

bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. Điểm trung bình của môn học tham gia xét tuyển là Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn học đó.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh:*

TT	Các ngành đào tạo trình độ đại học	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả học THPT (xét học bạ)
1	Nhóm ngành I	-	-
2	Nhóm ngành II	80	40
3	Nhóm ngành III	1.170	-
4	Nhóm ngành IV	200	-
5	Nhóm ngành V	610	(Riêng ngành Kiến trúc: 30)
6	Nhóm ngành VI	-	-
7	Nhóm ngành VII	520	-
Tổng số		2.580	70

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:*

Viện Đại học Mở Hà Nội nhận ĐKXT của những thí sinh có tổng điểm 3 môn thi (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) không thấp hơn Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT công bố.

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

Các ngành đào tạo đại học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT
1. Nhóm ngành II: 120 chỉ tiêu			
Thiết kế công nghiệp gồm 3 chuyên ngành: + Thiết kế nội thất + Thiết kế thời trang + Thiết kế đồ họa	52210402	HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU , Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Ngữ văn, Tiếng Anh.	H00 H01 H06
2. Nhóm ngành III: 1.170 chỉ tiêu			
- Kế toán	52340301	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00
- Tài chính – Ngân hàng (<i>Đào tạo 2 chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại</i>)	52340201		A01 D01
- Quản trị kinh doanh gồm 3 chuyên ngành: + Quản trị kinh doanh + Quản trị Du lịch - Khách sạn + Hướng dẫn du lịch	52340101	Toán, Vật lý, Hóa học; Tiếng Anh, Toán, Vật lý; Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn.	A00 A01 D01
- Luật	52380101	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00
- Luật kinh tế	52380107		D01
- Luật quốc tế	52380108		
3. Nhóm ngành IV: 200 chỉ tiêu			
Công nghệ sinh học (<i>Đào tạo 4 chuyên ngành: Thực phẩm, Y-Dược, Môi trường, Nông nghiệp</i>)	52420201	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh.	B00 A00 D07
4. Nhóm ngành V: 640 chỉ tiêu			
- Công nghệ thông tin (<i>Đào tạo 4 chuyên ngành: CN phần mềm, Hệ thống thông tin, CN đa phương tiện, Mạng và an toàn hệ thống</i>)	52480201	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 D01

- Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Ngành Điện tử viễn thông trước đây)	52510302	VẬT LÝ, Toán, Hóa; VẬT LÝ, Toán, Tiếng Anh; VẬT LÝ, Toán, Ngữ văn.	A00 A01 C01
- Kiến trúc	52580102	VẼ MỸ THUẬT, Toán, Vật lý; HÌNH HỌA, Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA, Toán, Tiếng Anh.	V00 V01 V02
5. Nhóm ngành VII: 520 chỉ tiêu			
- Ngôn ngữ Anh	52220201	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn.	D01
- Ngôn ngữ Trung Quốc	52220204	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn; TIẾNG TRUNG, Toán, Ngữ văn.	D01 D04

Lưu ý: Mã tổ hợp xét tuyển H01 và V01 của Bộ GD&ĐT quy định tên môn thi năng khiếu vẽ là “Vẽ mỹ thuật”, Viện Đại học Mở Hà Nội quy định tên môn thi là Hình họa, nội dung thi vẽ tĩnh vật bằng chì đen.

2.6.1. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển tổng điểm 3 môn (gồm cả điểm ưu tiên, không có môn nào trong THXT có kết quả từ 1,0 trở xuống) theo từng ngành/chuyên ngành và theo từng THXT, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nhà trường xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng.

- Thí sinh ĐKXT vào Khoa Du lịch (chuyên ngành Quản trị Du lịch - Khách sạn và Hướng dẫn du lịch) cần đăng ký chuyên ngành tại Cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.hou.edu.vn> trước 17h ngày 26/07/2017.

- Nếu ở mức điểm trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, nhà trường chọn thí sinh có điểm môn thi thứ nhất cao hơn (Thứ tự môn thi tính theo thứ tự các môn trong THXT).

- Kết thúc đợt xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu, nhà trường sẽ xét tuyển nguyện vọng bổ sung theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Nguyên tắc tính **Tổng điểm xét tuyển** như sau:

+ Các ngành/chuyên ngành gồm 3 môn văn hóa tính hệ số 1:

Tổng điểm xét tuyển = Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm UT (nếu có)

+ Các ngành/chuyên ngành có 1 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển = Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 x 2 + Điểm UT (nếu có) x 4/3

+ Các ngành/chuyên ngành có 2 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển = Môn 1 + Môn 2 x 2 + Môn 3 x 2 + Điểm UT (nếu có) x 5/3

Tổng điểm xét tuyển làm tròn đến 0,25.

2.6.2. Các môn tính hệ số 2: Các môn thi viết chữ **HOA**, in **ĐẬM** là môn thi chính hoặc môn năng khiếu, sẽ tính hệ số 2.

2.6.3. Thời gian ĐKXT và xác nhận nhập học: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Viện Đại học Mở Hà Nội chỉ tổ chức thi tuyển sinh các môn năng khiếu vẽ, còn các môn văn hóa sẽ xét tuyển. Nhà trường sẽ công bố thủ tục nộp hồ sơ ĐKDT năng khiếu vẽ cùng thời điểm với nộp hồ sơ ĐKDT THPT quốc gia. Thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.8. Chính sách ưu tiên:

Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy chế tuyển sinh ĐHCQ ban hành theo Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017. Thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu vẽ thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Viện Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập quy định tại Nghị định số: 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ

tương Chính phủ, cụ thể như sau (đơn vị 1.000 đồng/ tháng/ sinh viên):

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021
Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Luật; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc.	740	810	890	980
Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật DT, TT; Công nghệ sinh học; Quản trị du lịch, khách sạn; Hướng dẫn du lịch; Kiến trúc, Thiết kế nội thất; Thiết kế thời trang; Thiết kế đồ họa.	870	960	1.060	1.170